NỘI DUNG ÔN TẬP ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ 1 (2026-2027)
MÔN HỌC: LỊCH SỬ LỚP 11
Thời gian kiểm tra: 45 phút

I. NỘI DUNG KIỂM TRA
Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản.
Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA
1. Trắc nghiệm khách quan (30%): **12 câu** (0,25 điểm/câu).
2. Trắc nghiệm đúng sai (40%): **4 câu** (1,0 điểm/câu), mỗi câu gồm 4 ý (0,25 điểm/ý).
3. Tự luận (30%): **1 đến 2 câu** (3,0 điểm).

III. NỘI DUNG

Bài 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

1. TIỀN ĐỀ CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN

a) Kinh tế

– Anh: từ giữa thế kỉ XVI nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá và hỗ trợ công thương nghiệp; luyện sắt, thiếc, đóng tàu phát triển nhanh…

– 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: là nguồn cung cấp nguyên liệu (bông, thuốc lá,...) và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc; từ giữa thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XVIII nền kinh tế 13 thuộc địa ngày càng phát triển; công trường thủ công phát triển, nhiều trung tâm công nghiệp hình thành…

– Pháp: đến giữa thế kỉ XVIII nông nghiệp vẫn rất lạc hậu song kinh tế công thương nghiệp phát triển mạnh theo hướng tư bản chủ nghĩa.

b) Chính trị

– Anh: nhà vua nắm mọi quyền lực, cai trị độc đoán.

– **Tại 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ**: chính sách cai trị của thực dân Anh tác động tiêu cực đến các tầng lớp trong xã hội; người dân phải tuân theo các đạo luật khắt khe do Chính phủ Anh đề ra.

– Ở Pháp: vua có quyền hành chuyên chế và vô hạn.

c) Xã hội: những biến đổi về kinh tế làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt; giai cấp tư sản và đồng minh (quý tộc mới ở Anh, chủ nô ở Bắc Mỹ,...) tuy giàu có về kinh tế nhưng không có quyền lực chính trị tương xứng, nên tìm cách tập hợp quần chúng nhân dân để làm cách mạng.

– Ở Anh: nông dân là giai cấp đông đảo nhất, chịu ách áp bức nặng nề của Nhà nước, quý tộc phong kiến và giáo hội Anh giáo.

– Ở 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Anh gây mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa các tầng lớp nhân dân thuộc địa với chế độ thực dân.

– Ở Pháp: nông dân chiếm đa số; mâu thuẫn giữa tăng lữ và quý tộc phong kiến với tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng sâu sắc.

d) Tư tưởng

Để tập hợp quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản cần có hệ tư tưởng để chống lại hệ tư tưởng phong kiến bảo thủ.

– **Nê-đéc-lan, Anh**: đạo Tin Lành ở Hà Lan, Thanh giáo ở Anh.

– **Ở Pháp:** Triết học Ánh sáng, với các đại diện tiêu biểu: S. Mông-te-xki-ơ, Ph. Vôn-te.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN

a) Mục tiêu và nhiệm vụ:

- **Mục tiêu:** xoá bỏ những rào cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- **Nhiệm vụ**

– **Nhiệm vụ dân tộc**: xoá bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, hình thành thị trường dân tộc thống nhất (hoặc giải phóng dân tộc).

– **Nhiệm vụ dân chủ**: xoá bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập nền dân chủ tư sản.

b) Giai cấp lãnh đạo

– **Lãnh đạo:** giai cấp tư sản, chủ nô và tầng lớp quý tộc mới,...

– Cách mạng tư sản Anh: lãnh đạo của liên minh tư sản và quý tộc mới.

– Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: lãnh đạo của liên minh tư sản và chủ nô.

– Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII): giai cấp tư sản giành độc quyền lãnh đạo cách mạng.

– Động lực cách mạng:

+ Quần chúng nhân dân giữ vai trò quan trọng và là động lực quyết định thắng lợi của cách mạng.

+ Khi quần chúng nhân dân tham gia đông đảo, liên tục thì thắng lợi của cách mạng càng triệt để, tiêu biểu như Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

3. KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN

– Thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản đã lật đổ nền quân chủ chuyên chế, giành độc lập dân tộc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản được xác lập trên phạm vi thế giới.

– Trong số các cuộc cách mạng tư sản, Cách mạng Pháp được đánh giá là cuộc cách mạng vĩ đại

BÀI 2. SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. SỰ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ

– Châu Âu: sau Cách mạng tư sản Anh và đặc biệt là Cách mạng tư sản Pháp, chủ nghĩa tư bản từng bước được xác lập.

– Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ: nửa sau thế kỉ XVIII đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở ngoài châu Âu.

– Cách mạng công nghiệp (từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII) và các cuộc cách mạng tư sản nửa sau thế kỉ XIX đã dẫn đến sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

2. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

a) CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC VÀ QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC THUỘC ĐỊA

– Nguyên nhân: sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công, dẫn tới việc tăng cường chính sách xâm lược, mở rộng thuộc địa.

– Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.

– Các nước đế quốc đã thiết lập hệ thống thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

– Nước Anh được mệnh danh là "đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn".

b) SỰ MỞ RỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

– Mỹ La-tinh: nửa đầu thế kỉ XIX, tại hàng loạt thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập, đưa đến sự thành lập các quốc gia tư sản.

– Nhật Bản: cuộc Duy tân Minh Trị bắt đầu từ năm 1868, gồm cải cách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, xã hội, giáo dục,… đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

– Trung Quốc: Cách mạng Tân Hợi (1911) đã lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời; tuy không thực sự thủ tiêu giai cấp phong kiến nhưng đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở quốc gia lớn nhất, đông dân nhất châu Á.

Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới, cả ở Mỹ La-tinh lẫn châu Á.

c) TỪ TỰ DO CẠNH TRANH SANG ĐỘC QUYỀN

– Hoàn cảnh: thời kì xác lập chủ nghĩa tư bản là thời kì tự do cạnh tranh.

– Khái niệm: tổ chức độc quyền là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung vào tay mình phần lớn việc sản xuất hoặc tiêu thụ một số hàng hoá nhằm thu lợi nhuận cao.

– Các hình thức tiêu biểu: các-ten, xanh-đi-ca ở Đức và Pháp, tơ-rớt ở Mỹ.

– Quyền lực: đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền ở Pháp, Mỹ, Anh chỉ chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng lại chiếm hơn 3/4 tổng số máy hơi nước và động cơ điện, số lượng công nhân; tổng số sản phẩm làm ra chiếm gần một nửa so với toàn thế giới. Các tổ chức tư bản độc quyền đã chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

3. KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

a) Khái niệm Chủ nghĩa tư bản hiện đại: là thuật ngữ dùng để chỉ một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay với những biểu hiện mới.

– Biểu hiện tiêu biểu: sự kết hợp giữa sức mạnh kinh tế của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh chính trị của nhà nước tư sản.

– Đặc điểm: có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở những thành tựu của cách mạng khoa học – công nghệ; có lực lượng lao động đáp ứng sự phát triển nhảy vọt của nền sản xuất; đồng thời không ngừng điều chỉnh để tồn tại và phát triển trong bối cảnh mới.

b) Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại

– Tiềm năng:

+ Biểu hiện trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lí, khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển.

+ Chủ nghĩa tư bản có ưu thế trong việc sử dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển kinh tế; các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học – công nghệ của thế giới, có quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới.

– Thách thức

+ Khó giải quyết được những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.

+ Không thể giải quyết được những vấn đề chính trị, xã hội nan giải.

+ Không có khả năng giải quyết triệt để mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng; sự chênh lệch giàu nghèo làm sâu sắc thêm tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

BÀI 3: SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

- Sau Cách mạng tháng Mười Nga nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô Viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động. Đêm 25 – 10 – 1917 (7 – 11 – 1917 theo lịch mới): Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc tại Điện Xmô-nưi, tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.

Trong cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài, các nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa trên đất nước Xô viết đã đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để giữ vững chính quyền Xô viết. Chiến tranh kết thúc, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đòi hỏi sự liên minh chặt chẽ hơn nữa, nhất là sự thống nhất trên cơ sở nhà nước của các nước Cộng hoà Xô viết.

Tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin: trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết là sự bình đẳng về mọi mặt, quyền dân tộc tự quyết và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

Ngày 30 – 12 – 1922, tại Mát-xcơ-va, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản Tuyên ngôn thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) và bản Hiệp ước Liên bang**.** Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ. Đến năm 1940, Liên Xô gồm 15 nước cộng hoà.

– **Ngày 21 – 1 – 1924**: Lê-nin qua đời, Xta-lin lên thay.

2. Ý NGHĨA SỰ RA ĐỜI CỦA LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

– Trong nước: phù hợp lợi ích chung của các dân tộc; tạo điều kiện phát triển nhanh về kinh tế, xã hội; mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên cơ sở bình đẳng và giúp đỡ nhau; tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

– Thế giới: Liên Xô trở thành biểu tượng và chỗ dựa tinh thần, vật chất cho phong trào cách mạng thế giới; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh; tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

BÀI 4. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CNXH TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CNXH TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

a) SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở ĐÔNG ÂU

– Điều kiện: thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

– Các nhà nước dân chủ nhân dân: 1944 (Cộng hoà Nhân dân Ba Lan , Cộng hoà Nhân dân Ru-ma-ni), 1945 Cộng hoà Hung-ga-ri , Cộng hoà Tiệp Khắc , Liên bang Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Nam Tư , Cộng hoà Nhân dân An-ba-ni), Cộng hoà Nhân dân Bun-ga-ri (1946), Cộng hoà Dân chủ Đức (1949).

Thành tựu

– Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1949: Hoàn thành việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân — tiến hành cải cách ruộng đất; quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của tư bản; thực hiện các quyền tự do, dân chủ;…

– Giai đoạn từ năm 1949 đến giữa những năm 70: giai đoạn phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu. Với sự giúp đỡ của Liên Xô, sự nỗ lực của toàn thể nhân dân, các nước Đông Âu thực hiện công nghiệp hoá, điện khí hoá toàn quốc, phát triển nông nghiệp,… Từ những nước nghèo, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trở thành những quốc gia có nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển.

b) SỰ MỞ RỘNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở CHÂU Á

Châu Á:

– Bối cảnh chung: thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á phát triển mạnh mẽ.

– Trung Quốc: sau khi hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, năm 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập và lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Việt Nam: cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi năm 1954, miền Bắc Việt Nam được giải phóng và đi lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (4 – 1975) và thực hiện thống nhất đất nước (1976), cả nước Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

– Lào: tháng 12 – 1975, sau khi hoàn thành cách mạng giải phóng đất nước, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập và đi lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

– Ý nghĩa: việc các nước châu Á lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đánh dấu sự mở rộng, tăng cường sức mạnh của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Mỹ La Tinh

– Sau thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959, nước Cộng hoà Cu-ba được thành lập. Chính phủ cách mạng đã tiến hành những cải cách dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

– Từ năm 1961, Cu-ba bước vào thời kì xây dựng xã hội chủ nghĩa.

– Khó khăn: Cu-ba phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là chính sách cấm vận của Mỹ, nhưng nhân dân Cu-ba vẫn kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

– Thành tựu: từ nền nông nghiệp Cu-ba đã xây dựng được nền công nghiệp với cơ cấu các ngành hợp lí; nền nông nghiệp phát triển đa dạng; giáo dục, y tế, văn hoá đạt trình độ phát triển cao.

2. NGUYÊN NHÂN KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở ĐÔNG ÂU VÀ LIÊN XÔ

- Từ những năm 80, các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng. Cuối những năm 80, chế độ chủ nghĩa xã hội tan rã ở các nước Đông Âu.

- Ở Liên Xô, sự thất bại của công cuộc cải tổ đã đẩy đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng; tháng 12 – 1991, Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại.

Nguyên nhân

– Nguyên nhân thứ nhất: do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; áp dụng máy móc mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nhiều năm; chậm đổi mới cơ chế và hệ thống quản lí kinh tế.

– Nguyên nhân thứ hai: những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại không được áp dụng kịp thời vào sản xuất; năng suất lao động xã hội suy giảm dẫn tới tình trạng trì trệ kéo dài về kinh tế; sự sa sút, khủng hoảng lòng tin trong xã hội.

– Nguyên nhân thứ ba: quá trình cải cách, cải tổ phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, cách thức tiến hành. Sự xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản khiến cho khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng, trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự tan rã của Liên Xô.

– Nguyên nhân thứ tư: hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài góp phần làm gia tăng tình trạng bất ổn và rối loạn.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

a) KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

– **Nét chung**: từ năm 1991 đến nay, ở châu Á, các nước Trung Quốc, Việt Nam, Lào,… từng bước tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới, kiên định đi lên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa, đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, xã hội và các lĩnh vực khác.
– **Việt Nam**: công cuộc đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và tình trạng kém phát triển, giành được nhiều thắng lợi.
– **Lào**: từ năm 1986 thực hiện đường lối đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giành được những thành tựu cơ bản..
– **Cu-ba:** ở khu vực Mỹ La-tinh, từ năm 1991, mặc dù phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là lệnh cấm vận kéo dài của Mỹ và phương Tây, Cu-ba vẫn quyết tâm đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện cải cách kinh tế và đạt được những thành tựu quan trọng.
Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở vững chắc để chứng minh chủ nghĩa xã hội có sức sống, có triển vọng thực sự trên thế giới, đồng thời khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của thời đại.

b) THÀNH TỰU CHÍNH CỦA CÔNG CUỘC CẢI CÁCH – MỞ CỬA Ở TRUNG QUỐC

– Từ tháng 12 – 1978, Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách – mở cửa, chuyển đổi thành công sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội.
– **Kinh tế**: tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng từ 367,9 tỉ nhân dân tệ (1978) lên hơn 114 nghìn tỉ nhân dân tệ (2021). Bình quân tăng trưởng hằng năm là 9,5%, vượt xa mức trung bình thế giới là 2,9%. Quy mô GDP của Trung Quốc từ vị trí thứ tám thế giới (trong những năm 80) vươn lên vị trí thứ hai thế giới (từ năm 2010).
– **Khoa học – công nghệ**: phát triển ngành hàng không vũ trụ (phóng được tàu Thần Châu vào không gian); xây dựng hệ thống định vị vệ tinh Bắc Đẩu, hệ thống đường sắt cao tốc; phát triển hạ tầng kĩ thuật số, các trung tâm dữ liệu hiện đại. Đặc biệt, Trung Quốc đạt được những tiến bộ vượt bậc trong các lĩnh vực công nghệ mới như công nghệ thông tin – viễn thông thế hệ mới, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học,…
– **Văn hoá – giáo dục**: thực hiện cải cách giáo dục toàn diện, nâng cao vị trí của nền giáo dục trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc xây dựng và hiện đại hoá đất nước; đã thực hiện kế hoạch quốc gia trung hạn và dài hạn về cải cách giáo dục và phát triển (2010 – 2020) với mục tiêu phát triển Trung Quốc trở thành một trong số những cường quốc đổi mới sáng tạo hàng đầu trên thế giới.
– **Xã hội**: đạt được những bước tiến cơ bản trong việc giải quyết những vấn đề xã hội như xoá đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách an sinh xã hội,…
– **Ý nghĩa**: những thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc.

BÀI 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

1. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA THỰC DÂN PHƯƠNG TÂY Ở ĐÔNG NAM Á

a) Quá trình xâm lược

Từ đầu thế kỉ XVI, các nước phương Tây bắt đầu mở rộng quá trình xâm nhập vào các nước Đông Nam Á. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây diễn ra trong bối cảnh phần lớn các nước Đông Nam Á bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng của chế độ phong kiến về chính trị, kinh tế, xã hội với nhiều cuộc nổi dậy chống lại chế độ phong kiến.

*** Đối với Đông Nam Á hải đảo:** Đây là khu vực giàu tài nguyên, có nguồn hương liệu và hàng hoá phong phú, nằm trên tuyến đường biển huyết mạch nối liền phương Đông và phương Tây với nhiều thương cảng sầm uất.
– Năm 1511, Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lắc-ca (nay thuộc Ma-lai-xi-a).
– Giữa thế kỉ XVI, Phi-líp-pin chính thức bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược và thống trị. Năm 1898, Phi-líp-pin đã trở thành thuộc địa của Mỹ.
– Cuối thế kỉ XVI, thực dân Hà Lan bắt đầu quá trình xâm nhập In-đô-nê-xi-a. Đến giữa thế kỉ XIX, Hà Lan mới hoàn thành việc kiểm soát nước này.
– Đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ ngày nay của Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây rơi vào tay Anh.
Trải qua gần 4 thế kỉ (từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX), bằng những thủ đoạn khác nhau, thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo.

*** Đối với Đông Nam Á lục địa**

Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á lục địa bắt đầu vào thế kỉ XIX, muộn hơn so với các nước Đông Nam Á hải đảo.

– **Anh** sau hơn 60 năm (1824 – 1885) mới chiếm được Miến Điện (Mi-an-ma).
– **Pháp** trải qua cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài gần nửa thế kỉ (1858 – 1893) mới hoàn thành việc xâm chiếm 3 nước Đông Dương.
– Đến đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây đã hoàn thành quá trình thôn tính Đông Nam Á. Hầu hết các nước trong khu vực đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. Vương quốc Xiêm (Thái Lan) tuy giữ được nền độc lập nhưng bị lệ thuộc vào nước ngoài về nhiều mặt và trở thành "vùng đệm" giữa khu vực thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp.

b) Chính sách cai trị của thực dân phương Tây

– Về chính trị: thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á dưới các hình thức khác nhau, nhưng đều có điểm chung là bên cạnh sự cai trị của chính quyền thực dân thì các thế lực phong kiến địa phương vẫn được duy trì như một công cụ để thi hành chính sách cai trị thuộc địa. Chính sách "chia để trị" là phương thức phổ biến được thực dân phương Tây sử dụng nhằm chia rẽ, làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước Đông Nam Á.

– Về kinh tế: bóc lột, khai thác các thuộc địa, biến các nước trong khu vực thành nơi cung cấp nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hoá, phục vụ lợi ích cho chính quốc.

– Về văn hoá – xã hội: tìm mọi cách kìm hãm người dân ở các nước thuộc địa trong tình trạng lạc hậu, nghèo đói, đồng thời làm xói mòn giá trị truyền thống của các quốc gia Đông Nam Á.

2. CÔNG CUỘC CẢI CÁCH Ở XIÊM

– Bối cảnh: vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe doạ xâm lược của thực dân phương Tây. Từ năm 1851, vua Ra-ma IV đã tiến hành cải cách, chủ trương mở cửa buôn bán với nước ngoài. Đặc biệt, từ năm 1868, dưới thời vua Ra-ma V, Xiêm đã tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng về kinh tế, xã hội, hành chính, giáo dục, ngoại giao,…

– Về kinh tế: trong công nghiệp, Chính phủ thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, đường sắt,… Với việc mở cửa nền kinh tế từ nửa sau thế kỉ XIX, Băng Cốc đã trở thành trung tâm buôn bán của khu vực. Trong nông nghiệp, năm 1874, Chính phủ Xiêm đã áp dụng biện pháp miễn trừ và giảm thuế nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp và khai khẩn đất hoang; đến đầu thế kỉ XX, Chính phủ ban hành những quy định quản lí ruộng đất hiện đại.

– Về hành chính: từ năm 1892, Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.

– Về giáo dục: công tác giáo dục được nhà vua đặc biệt chú trọng. Năm 1898, sau khi đi khảo sát nền giáo dục ở châu Âu, nhà vua cho công bố Chương trình giáo dục đầu tiên ở Xiêm.

– Về ngoại giao: năm 1897, Ra-ma V tiến hành chuyến công du sang các nước châu Âu, gặp gỡ đại diện các chính phủ Anh, Pháp, Đức, Nga,… nhằm mục tiêu xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã kí trước đó. Chính phủ Xiêm kí các hiệp ước với nội dung đồng ý cắt một số vùng lãnh thổ thuộc ảnh hưởng của Xiêm ở Lào, Cam-pu-chia cho Pháp (1907) và ở Mã Lai cho Anh (1909) để bảo vệ nền độc lập của nước mình.

Công cuộc cải cách đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trên cơ sở những thành tựu của công cuộc cải cách, Chính phủ Xiêm có thực lực để thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo, nhằm giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước, không bị rơi vào tình trạng thuộc địa.Trong bối cảnh hầu hết các quốc gia trong khu vực đều trở thành thuộc địa của thực dân, công cuộc cải cách của Xiêm chính là một trong những con đường ứng phó hiệu quả với làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

Duyệt TTCM **Cần Thơ, ngày 17 tháng 10 năm 2026**

Phan Thị Hồng Lê **Nhóm Lịch sử 11**